

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 29 - 6 - 2017

V/v Ly hôn giữa chị M và anh H;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến;

2. Bà Đinh Thị Hồng Thơm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:
Bà Mai Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2017/TLST – HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh ngày 25/9/1990; nơi đăng ký HKTT: Xóm 14, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi ở: Thôn A, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 14, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 26/4/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Văn H ngày 22/02/2010, đăng ký tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại Xóm 14, xã X. Trong cuộc sống chung đã nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng do quan điểm sống không hòa hợp, anh H ham chơi, nghiện hút ma túy, không chăm lo đến kinh tế gia đình, nhiều lần đe dọa và đánh chửi chị. Từ tháng 04/2013 chị bỏ về quê ngoại tại tỉnh Yên Bái ở, sau đó đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh. Anh H nhiều lần tìm đến nơi chị làm việc quấy nhiễu, đe dọa và

đưa con ra đặt điều kiện để chị quay về nhà nhưng chị không đồng ý. Chị xác định không còn tình cảm, sống không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Trần Thị Hồng H, sinh ngày 08/11/2010 hiện nay đang ở với anh H và bà nội. Tại đơn khởi kiện chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M đã thay đổi yêu cầu đồng ý để anh H trực tiếp nuôi con, chị nhận cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng tính từ khi ly hôn đến khi con thành niên.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2017 và 09/6/2017, bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời trình bày của chị M về quá trình kết hôn, thời gian chung sống vợ chồng và việc ly thân. Trong cuộc sống vợ chồng trước đây anh có ham vui chơi với bạn bè nên không quan tâm được nhiều đến vợ con nhưng anh không nghiện hút ma túy, không đánh đập vợ như chị M đã khai. Năm 2013 chị M xin về quê ngoại chơi sau đó không về nhà nữa, anh đã đi tìm nhưng chị M không chịu về nhà. Anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị M kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh nhất trí với lời trình bày của chị M. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Đến nay chị M đã đồng ý để anh nuôi con và nhận cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng thì anh cũng nhất trí.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Anh nhất trí với lời trình bày và quan điểm của chị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật, tất cả đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin vắng mặt hợp lệ.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị giải quyết cho ly hôn giữa chị M và anh H, việc nuôi con chung chấp nhận đề nghị của các đương sự giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của M nhận cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M và anh Trần Văn H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn xô sát, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, anh H ham vui chơi với bạn bè không quan tâm đến gia đình, kinh tế gia đình gặp khó khăn nên từ tháng 4/2013 vợ chồng đã ly thân. Anh H cũng đã đi tìm chị M nhưng vợ chồng không thống nhất đoàn tụ được. Mặc dù anh H có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng nhưng khi Tòa án tổ chức hòa giải thì anh H đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Đến nay chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh H.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị M và anh H có 01 con chung chưa thành niên là cháu Trần Thị Hồng H, sinh ngày 08/11/2010 hiện tại đang ở cùng với anh H. Anh H có yêu cầu trực tiếp nuôi con, chị M cũng nhất trí. Xét thấy con chung đã ở cùng với anh H từ nhiều năm nay, anh H cũng đảm bảo tốt việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con nên căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cho anh H trực tiếp nuôi con chung. Chị M tự nguyện nhận cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng từ khi ly hôn (ngày 29/6/2017) cho đến khi con thành niên là phù hợp nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị M và anh H thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản với ai và đều không yêu cầu giải quyết khi ly hôn nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị M phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị M và anh Trần Văn H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho anh Trần Văn H tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Trần Thị Hồng H, sinh ngày 08/11/2010.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị M nhận cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng (*một triệu đồng một tháng*) tính từ ngày 29/6/2017 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); chị Hoàng Thị M được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị M phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo Biên lai thu số 09315 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, chị Hoàng Thị M còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị M và bị đơn anh Trần Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Phạm Trung Kiên